

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23-3-2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị NĐ và anh BĐ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phụng.
2. Ông Đỗ Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn NĐ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp X, xã L, huyện G, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Anh Phan BĐ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp X, xã L, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị NĐ và anh BĐ vắng mặt (chị NĐ có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 12 năm 2023, đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 17 tháng 02 năm 2023, nguyên đơn là chị Nguyễn NĐ trình bày:

Chị và anh Phan BĐ tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh B. Thời gian chung sống, giữa chị và anh BĐ xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống nên thường xuyên cự cãi. Chị đã nhiều lần cố gắng duy trì quan hệ vợ chồng, mong hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nên chị và anh BĐ đã không sống chung đến nay khoảng 04 năm. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh BĐ.

Quá trình chung sống, chị và anh BĐ có hai con chung là Phan A, sinh ngày 06/8/2007 và Phan B, sinh ngày 23/6/2013. Hiện tại, cả hai con đang sống chung anh BĐ. Chị đồng ý để anh BĐ trực tiếp nuôi cả hai con, chị sẽ cấp dưỡng cho hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con mỗi tháng 1.500.000 đồng).

Về tài sản chung: chị và anh BĐ tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị và anh BĐ không có nợ chung.

Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: chị không yêu cầu anh BĐ cấp dưỡng cho chị và chị cũng không cấp dưỡng cho anh BĐ.

Do chị bận công việc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Phan BĐ đều vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn NĐ về việc yêu cầu ly hôn anh Phan BĐ. Cụ thể:

- Về hôn nhân: chị Nguyễn NĐ được ly hôn với anh Phan BĐ.
- Về con chung: giao hai con chung là Phan A, sinh ngày 06/8/2007 và Phan B, sinh ngày 23/6/2013 cho anh BĐ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Ghi nhận chị NĐ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Chị Nguyễn NĐ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: chị NĐ trình bày chị và anh BĐ tự thỏa thuận.
- Về nợ chung: chị NĐ trình bày chị và anh BĐ không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn NĐ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Phan BĐ. Anh Phan BĐ là bị đơn trong vụ án, cư trú tại xã L, huyện G, tỉnh B. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

Chị Nguyễn NĐ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị NĐ.

Anh Phan BĐ được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh BĐ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn NĐ và anh Phan BĐ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh B vào năm 2005 nên quan hệ hôn nhân của chị NĐ và anh BĐ được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, chị NĐ cho rằng trong thời gian chung sống với nhau, chị và anh BĐ phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên chị và anh BĐ đã không sống chung với nhau đến nay khoảng 04 năm.

Qua xác minh vào ngày 10/02/2023, mẹ ruột của anh Phan BĐ là bà Lê M, địa chỉ tại ấp X, xã L, huyện G, tỉnh B cho biết: bà không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị NĐ và anh BĐ. Chị NĐ và anh BĐ có nghề nghiệp ổn định, thu nhập đủ nuôi sống bản thân và gia đình. Chị NĐ và anh BĐ đã trưởng thành nên về việc ly hôn giữa chị NĐ và anh BĐ thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị NĐ, Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh BĐ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mục đích hòa giải cho chị NĐ và anh BĐ đoàn tụ nhưng anh BĐ không đến Tòa án tham gia giải quyết.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị NĐ và anh BĐ đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị NĐ để giải quyết cho chị NĐ được ly hôn anh BĐ.

[3] Về con chung: chị NĐ và anh BĐ có hai con chung là Phan A, sinh ngày 06/8/2007 và Phan B, sinh ngày 23/6/2013. Hiện tại, cả hai con đang sống chung anh BĐ. Chị NĐ đồng ý để anh BĐ trực tiếp nuôi cả hai con, chị NĐ sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại anh BĐ đang nuôi cả hai con chung. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của con chung, giao cho anh BĐ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì sau khi ly hôn “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Mặc dù anh BĐ không tham gia giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày về việc cấp dưỡng cho con nhưng chị NĐ tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (tổng cộng tiền cấp dưỡng cho cả hai con là 3.000.000 đồng/tháng) là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung: chị NĐ trình bày chị và anh BĐ tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị NĐ trình bày chị và anh BĐ không có nợ chung.

[6] Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: chị không yêu cầu anh BĐ cấp dưỡng cho chị và chị cũng không cấp dưỡng cho anh BĐ.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị NĐ phải chịu 600.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 39 ngày 03 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị NĐ phải tiếp tục nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn NĐ.

- Về hôn nhân: chị Nguyễn NĐ được ly hôn với anh Phan BĐ.

- Về con chung: giao hai con chung là Phan A, sinh ngày 06/8/2007 và Phan B, sinh ngày 23/6/2013 cho anh Phan BĐ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn NĐ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), tổng cộng tiền cấp dưỡng cho cả hai con mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án là ngày 23 tháng 3 năm 2023.

Chị Nguyễn NĐ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: chị Nguyễn NĐ trình bày chị và anh Phan BĐ tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị Nguyễn NĐ trình bày chị và anh Phan BĐ không có nợ chung.

- Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: chị NĐ không yêu cầu anh BĐ cấp dưỡng cho chị NĐ và chị NĐ cũng không cấp dưỡng cho anh BĐ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn NĐ phải chịu 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 39 ngày 03 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B. Chị Nguyễn NĐ phải tiếp tục nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Sơn Phú;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Trang